

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2019

**BẢN TIN VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC**  
**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020**  
(Từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 đến ngày 30 tháng 04 năm 2020)

## I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

### 1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/11/2019 như sau:

Trạm	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa trong vụ Đông Xuân 2019-2020 (mm)
		TBNN	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	
Đồng Xoài	3.529,7	+ 43,4	+ 48,7	+ 37,5	+ 49,1	+ 104,0	239,8
Bình Long	1.753,0	- 12,7	+ 12,3	- 31,8	- 26,7	+ 4,1	131,3
Bù Đăng	2.860,0	+ 10,9	- 8,4	- 7,0	+ 11,9	+ 19,0	214,9
Bù Đốp	1.970,4	- 21,0	+ 47,9	+ 15,4	+ 5,9	+ 29,7	164,5
Lộc Ninh	2.011,4	+ 1,6	- 1,3	- 43,0	+ 19,8	+ 59,2	127,5
Phước Hòa	1.661,7	- 14,1	+ 11,9	- 26,7	- 16,2	+ 3,0	164,6
Phước Long	2.714,9	+ 3,3	+ 4,0	- 16,1	+ 26,0	+ 58,9	220,8
Trị An	2.012,5	- 0,1	+ 25,9	+ 7,5	+ 3,5	+ 35,0	149,1
<b>Trung bình</b>	<b>2.314,2</b>	<b>+ 1,4</b>	<b>+ 17,6</b>	<b>- 8,0</b>	<b>+ 9,2</b>	<b>+ 39,1</b>	<b>176,6</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

### Nhận xét:

Trên phạm vi toàn lưu vực, lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 1,4%, cao hơn năm 2018 là 17,6%, thấp hơn 8,0% so với năm 2017 và cao hơn 9,2% so với năm 2016. Lượng mưa lớn nhất tại trạm Đồng Xoài (3.529,7 mm) và lượng mưa nhỏ nhất tại trạm Phước Hòa (1.661,7 mm).

Theo dự báo thời hạn mùa của Trung tâm Dự báo KTTV Trung ương (bản tin cập nhật ngày 15/11/2019), lượng mưa khu vực Nam Bộ thời kỳ tháng 12/2019 tổng lượng mưa phổ biến 10-40 mm, tháng 1-2/2020 phổ biến ít mưa, tháng 3/2020 phổ biến thấp hơn từ 10-20%, tháng 4 đến tháng 5/2020 phổ biến xấp xỉ so với TBNN. Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 176,6 mm. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
				TBNN	2018	2017	2016	
Hồ Suối Giai	21,3	21,30	100,00	+ 3,0	0	0	0	Giảm
Hồ NT6	2,75	2,75	100,00	+ 1,6	+ 0,6	+ 0,4	0	Giảm
Hồ NT9	1,97	1,97	100,00	+ 3,7	0	+ 0,5	+ 1,5	Giảm
Hồ NT8	1,3	1,30	100,00	+ 1,2	0	+ 0,4	0	Giảm
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,74	100,00	+ 2,2	0	0	0	Giảm
Hồ Lộc Quang	5,826	5,83	100,00	+ 13,6	0	+ 0,1	+ 17,7	Giảm
Hồ Tân Lợi	2,87	2,87	100,00	+ 6,2	0	+ 0,3	+ 18,6	Giảm
Hồ Suối Ông	0,386	0,39	100,00	+ 4,3	- 1,0	+ 0,5	0	Giảm
Hồ Bà Uím	1,58	1,58	100,00	+ 1,4	0	+ 0,4	0	Giảm
Hồ NT 4	2,615	2,62	100,00	+ 4,4	- 0,2	0	+ 11,3	Giảm
Đập Thọ Sơn	0,963	0,96	100,00	+ 1,3	+ 0,3	+ 0,3	0	Giảm
Hồ Đồng Xoài	9,66	9,62	99,61	+ 12,7	0	- 0,3	+ 12,8	Giảm
Hồ Bù Môn	0,2	0,20	100,00	+ 2,0	0	+ 5,3	+ 1,0	Giảm
Hồ Sa Cát	1,327	1,33	100,00	+ 1,8	- 0,2	+ 0,4	+ 2,9	Giảm
Hồ An Khương	2,6	1,96	75,28	- 7,8	- 24,3	- 24,7	- 0,6	Giảm
Hồ Ông Thoại	1,765	1,77	100,00	+ 2,8	- 0,2	+ 0,3	+ 1,4	Giảm
Hồ Càn Đơn	165,49	164,63	99,48	+ 14,0	+ 27,1	+ 10,3	+ 23,2	Giảm
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>224,342<sup>(*)</sup></b>	<b>222,80</b>	<b>99,31</b>	<b>+ 4,0</b>	<b>+ 0,1</b>	<b>- 0,3</b>	<b>+ 5,3</b>	

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (\*): Giá trị tổng.

### Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 224,342 triệu m<sup>3</sup>. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 30/11/2019 vẫn còn khá cao, tổng dung tích trữ hiện tại là 222,80 triệu m<sup>3</sup> (đạt 99,31 % DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa cao hơn so với cùng kỳ TBNN, xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2017 và năm 2018.

Dự báo xu thế nguồn nước các hồ cuối vụ Đông Xuân năm 2019-2020 trên lưu vực sông Bé, vùng Đông Nam Bộ: 17/17 hồ có nguồn nước giảm so với cùng kỳ năm 2018-2019.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 1. Khả năng cấp nước

#### a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất của vụ Đông Xuân năm 2019-2020 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **17,66** triệu m<sup>3</sup>.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020								
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước tưới ( $10^6$ m <sup>3</sup> )				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
<b>Tổng cộng</b>		<b>707,996</b>	<b>81,98</b>	<b>1.283,0</b>	<b>23</b>	<b>4,08</b>	<b>4,15</b>	<b>3,81</b>	<b>2,92</b>	<b>2,69</b>
1	Hồ Suối Giai	74,0	82,0	126,0	5,0	0,29	0,35	0,27	0,17	0,15
2	Hồ NT6			11,0		0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
3	Hồ NT9			29,0		0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
4	Hồ NT8			25,0		0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
5	Hồ NT2 - Đ7			51,0		0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
6	Hồ Lộc Quang	270,0		260,0	7,0	0,90	0,88	0,85	0,43	0,37
7	Hồ Tân Lợi			70,0		0,16	0,17	0,15	0,17	0,16
8	Hồ Suối Ông	10,0			1,0	0,02	0,03	0,02	0,01	0,01
9	Hồ Bà Um	4,0			2,0	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
10	Hồ NT 4			120,0		0,10	0,09	0,09	0,10	0,09
11	Đập Thọ Sơn			63,0		0,09	0,09	0,08	0,09	0,08
12	Hồ Đồng Xoài	15,0		44,0	6,0	1,01	1,01	0,92	0,99	0,95
13	Hồ Bù Môn	55,0				0,13	0,14	0,13	0,04	0,03
14	Hồ Sa Cát			20,0		0,11	0,11	0,10	0,11	0,11
15	Hồ An Khương	120,0		33,0	2,0	0,29	0,31	0,28	0,12	0,09
16	Hồ Ông Thoại			31,0		0,15	0,15	0,14	0,15	0,14
17	Hồ Càn Đơn	160,0		400,0		0,73	0,71	0,69	0,45	0,41

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa năm 2019 - 2020 ( $10^6$ m <sup>3</sup> )				
		Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
1	Hồ Suối Giai	1,79	0,97	0,51	0,30	0,20
2	Hồ NT6	0,22	0,18	0,15	0,15	0,18
3	Hồ NT9	0,19	0,15	0,12	0,12	0,16
4	Hồ NT8	0,50	0,41	0,35	0,36	0,46
5	Hồ NT2 - Đ7	0,09	0,07	0,06	0,06	0,08
6	Hồ Lộc Quang	0,80	0,54	0,49	0,50	0,55
7	Hồ Tân Lợi	0,99	0,54	0,28	0,20	0,16
8	Hồ Suối Ông	0,05	0,03	0,02	0,01	0,01
9	Hồ Bà Um	0,12	0,06	0,03	0,02	0,01
10	Hồ NT 4	0,36	0,30	0,25	0,26	0,33
11	Đập Thọ Sơn	0,31	0,29	0,28	0,28	0,09
12	Hồ Đồng Xoài	1,29	0,70	0,36	0,22	0,14
13	Hồ Bù Môn	2,32	1,81	1,50	1,50	1,78
14	Hồ Sa Cát	0,18	0,10	0,05	0,03	0,02
15	Hồ An Khương	0,15	0,11	0,09	0,09	0,10
16	Hồ Ông Thoại	0,18	0,16	0,14	0,14	0,15
17	Hồ Càn Đơn	103,41	96,85	93,47	90,51	87,64

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước cho vụ Đông Xuân 2019-2020, kết quả dự báo vụ Đông Xuân từ ngày 01/12/2019 đến ngày 30/04/2020 như sau:

- **13/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bà Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Bù Môn, hồ Ông Thoại, hồ Cần Đơn.

- **4/17 hồ chứa có nguy cơ thiếu nước:** Hồ Lộc Quang, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 01/12/2019 đến 30/4/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	100,00	287	68,00	100	287	Đủ nước
Hồ NT6	100,00	11	88,01	100	11	Đủ nước
Hồ NT9	100,00	29	71,26	100	29	Đủ nước
Hồ NT8	100,00	25	63,70	100	25	Đủ nước
Hồ NT2 - Đ7	100,00	51	92,58	100	51	Đủ nước
Hồ Lộc Quang	100,00	537	67,64	100	537	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ Tân Lợi	100,00	70	81,09	100	70	Đủ nước
Hồ Suối Ông	100,00	11	40,01	100	11	Đủ nước
Hồ Bà Um	100,00	6	68,62	100	6	Đủ nước
Hồ NT 4	100,00	120	92,18	100	120	Đủ nước
Đập Thọ Sơn	100,00	63	94,23	100	63	Đủ nước
Hồ Đồng Xoài	99,61	65	55,01	100	65	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ Bù Môn	100,00	55	87,28	100	55	Đủ nước
Hồ Sa Cát	100,00	20	91,59	100	20	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ An Khương	75,28	155	58,15	100	155	Có nguy cơ thiếu nước
Hồ Ông Thoại	100,00	31	81,56	100	31	Đủ nước
Hồ Cần Đơn	99,48	560	97,05	100	560	Đủ nước
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>99,31</b>	<b>2.096,0<sup>(*)</sup></b>	<b>89,97</b>	<b>100</b>	<b>2.096,0<sup>(*)</sup></b>	

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> giá trị tổng.

**2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi**

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đẳng	220,8	+ 645,9	+ 7	- 61	Rủi ro hạn thấp
	Đăk O – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
			Long Hà – Phú Riềng Đakia – Bù Đốp			
Đồng Xoài	Đồng Tâm – Đồng Phú Minh Hưng – Chơn Thành	239,8	-	+ 11	- 53	Rủi ro hạn thấp
<b>Trung bình</b>		<b>230,3</b>	<b>+ 645,9</b>	<b>+ 9</b>	<b>- 57</b>	<b>Rủi ro hạn thấp</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

### Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn 9,0% so với lượng mưa TBNN và cao hơn 645,9% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp. Tuy nhiên, khuyến cáo người dân ở vùng ngoài công trình thủy lợi có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

### **3. Tổng hợp thông tin hạn hán**

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
2.096	707,996	1.388					

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 30/04/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 201,84 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 89,97% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 13/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước vụ Đông Xuân 2019-2020 theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 30/04/2020 không thay đổi. **Riêng 04 hồ còn lại của tỉnh Bình Phước (hồ Lộc Quang, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương) có nguy cơ thiếu nước, cần sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, tưới tiết kiệm nước để đảm bảo cấp nước cho vụ Đông Xuân 2019-2020 và cho các vụ sau.**

Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2019-2020, kiến nghị một số nội dung sau: (1) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng,

giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. (2) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; (3) Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần, tháng, vụ mùa tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 01/05/2020 ./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

**VIỆN TRƯỞNG**